

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/04/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC5+RC4+RC6	7:25	11+6+5	0+0+0		7+9+6	0+0+0	
2		RCDM+VSP02-GTC1	7:25	8+14+0	0+0		4+17+1	0+0	
3		RP3+RP1	7:25	16+6	0+0		9+13	0+0	
4		Thor+BK19+BK21	9:25	19+0+0	0+0+0		17+0+5	0+0+0	CHUYEN 1 BK19-BK21
5		RP3 + P2	9:25	22 + 0	0		22 + 1	0	
6		VSP02+MRM+P8	9:25	17+4+0	0+0+0		14+0+7	0+0+0	
7		P6+P7+TD5	10:25	5+4+3	0+0+0		0+5+14	0+0+0	
8		T.UNG+TD5	11:25	13+0	0+0		6+4	0+0	
9		RP3+RC8+RC5	11:25	10+4+7	0+0+0		2+7+11	0+0+0	CHUYEN 6 RC8 RC5
10		RP1+RCDM	11:25	19+3	0+0		17+4	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ ĐI VỀ TRONG NGÀY RC5-3NG, RCDM-3NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2025	TO: RC5 - RC4 - RC6	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LHAÍ - MTHAO - HTNAM	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN CONG HIEU	RC5				2	30	80	KH-THAC	Vietnamese
2	LE TRUONG SA	RC5						65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐAO TRUNG KIEN	RC5	68	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DOAN ĐUC	RC5	84	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
5	CAO THANH HOP	RC5	83	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HAN	RC5	99	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG TUAN ANH	RC5	36	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN KIM THACH	RC5	85-86	2	10			66	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN XUAN THANH	RC5	67	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN VAN HANH	RC5	82	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN QUOC HUONG	RC5	16	1	12			93	DVL	Vietnamese
12	TRAN MINH THI	RC4	73	1	10			113	KH-THAC	Vietnamese
13	VO QUOC THONG	RC4	69	1	10	2	40	82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THANH SON	RC4	70	1	11			85	KH-THAC	Vietnamese
15	VO HUY HOANG	RC4	65-66	2	10			70	KH-THAC	Vietnamese
16	MAI CAO DINH	RC4	70	1	5			65	PSV	Vietnamese
17	TRINH TRAN GIA NIEN	RC4	72	1	5			70	PSV	Vietnamese
18	VU QUANG TUYEN	RC6	86	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI QUOC VIET	RC6	85	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
20	CHU TIEN BINH	RC6	30-31	2	6			63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN LA	RC6				1	5	68	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN CAO MONG	RC6	28-29	2	8			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC5	11	793	10	73	2	30	7		
2	RC4	6	485	7	51	2	40	9		
3	RC6	5	345	6	30	1	5	6		
TOTAL		22	1.623	23	154	5	75	22		
WEIGHT KG			1.623		154		75			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2025	TO: RCDM - VSP02 - GTC1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: DUONG - HTRUNG - TU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CHU MINH HUNG	RCDM	42	1	3			88	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN THANG	RCDM						61	NIPI	Vietnamese
3	ĐẶNG THE ANH	RCDM	38	1	2			69	NIPI	Vietnamese
4	LÊ CHI BAO	RCDM	40	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRUNG TIN	RCDM	41	1	9			87	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG DUNG	RCDM	44	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
7	TU TUAN TU	RCDM	43	1	9	2	30	90	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUANG HUNG	RCDM	39	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG TRUNG VIET	VSP02						80	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG NGOC CUONG	VSP02	59	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN CONG LAM	VSP02	56-57	2	11			72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN DAT	VSP02	62	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN XUAN KINH	VSP02						65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN GIANG	VSP02	55	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN LE HOI	VSP02	60	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN DU	VSP02	51-52	2	13			72	YTE	Vietnamese
17	ĐO QUỐC TRINH	VSP02	63	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM DUY QUANG	VSP02	54	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN QUYET	VSP02	53	1	8			51	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI XUAN TIEN	VSP02	58	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC QUANG	VSP02	61	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI HUY BINH	VSP02	64-65	2	8			78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RCDM	8	616	7	43	2	30	4		
2	VSP02	14	965	15	78	0	0	17		
3	GTC1	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.581	22	121	2	30	22		
WEIGHT KG			1.581		121		30			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2025	TO: RP3 - RP1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LINH - N.CU'ONG - HUY	ETA: 09:30
VANG - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HOAI THANH	RP3	70	1	4	2	30	70	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG VAN PHO	RP3	71	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
3	DO QUANG TO	RP3	62-63	2	8			61	KH-THAC	Vietnamese
4	VO TAN CHAU	RP3	77	1	10			83	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG CHUONG	RP3	76	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
6	HA VAN NIN	RP3	72-73	2	13			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN CONG SOAI	RP3	65	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM MINH TOAN	RP3	81-82	2	16			56	YTE	Vietnamese
9	NGUYEN BAO TOAN	RP3	66	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
10	CAO ĐỨC THANH	RP3	74	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM DUY NHIEN	RP3	75	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH TAN NGON	RP3	64	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
13	VU QUANG HUNG	RP3	67-68	2	12			74	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐANG TRUNG HIEU	RP3	79-80	2	9			75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VIỆT HÙNG	RP3	69	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUÝ HAI	RP3	78	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TUNG	RP1	91	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN TUẤN ANH	RP1	89	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC TU	RP1	90	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THANH HUNG	RP1	93	1	3	2	18	69	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP1	92	1	2			59	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI QUANG HOAN	RP1	94-95	2	12			96	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	16	1.135	21	116	2	30	9		
2	RP1	6	430	7	39	2	18	13		
TOTAL		22	1.565	28	155	4	48	22		
WEIGHT KG			1.565		155		48			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2025	TO: THOR - BK19 - BK21	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - TÚ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NIALL ANTHONY MCGALE	THOR	13-14	2	15			122	BORR	British
2	VU DUC CANH	THOR	27-28	2	13			73	PVD OFFSH	Vietnamese
3	DOAN VAN LUAN	THOR	31	1	8			64	PVD OFFSH	Vietnamese
4	LE ANH TUAN	THOR	17-18	2	12			75	PVD OFFSH	Vietnamese
5	DUONG QUOC VIET	THOR	30	1	13			85	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN XUAN CUONG	THOR	12	1	6			72	PSV	Vietnamese
7	LE VAN CHANH	THOR	01-02	2	8			60	PSV	Vietnamese
8	DINH EM	THOR	03	1	5			70	PSV	Vietnamese
9	MUHAMMAD AMIRUL BIN AMRAN	THOR	21-22	2	12			78	PVD OFFSH	Malaysian
10	FREDRICK BAJENG ANAK KALONG	THOR	23-24	2	15			76	BORR	Malaysian
11	JAMES GERARD RAFFERTY	THOR	08-09	2	19			75	CONNECT E	Australian
12	MOHAMAD GANI BIN MOHAMAD	THOR	06-07	2	14			94	BORR	Malaysian
13	ZAINUDDIN ABDULLAH	THOR	04	1	10	1	18	92	BORR	Malaysian
14	MARTIN THOMAS MCGOWAN	THOR	19-20	2	23			101	BORR	British
15	HA TUAN ANH	THOR	32	1	4			61	PVD OFFSH	Vietnamese
16	VU VAN NAM	THOR	26	1	6			78	PVD OFFSH	Vietnamese
17	HUYNH VAN NO	THOR	10-11	2	9			53	PVD OFFSH	Vietnamese
18	PHAM VIET CHUONG	THOR	25	1	5			66	PVD OFFSH	Vietnamese
19	AZROY BIN MOHD SAAD	THOR	15-16	2	14			86	SCHLUMBE	Malaysian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	THOR	19	1.481	30	211	1	18	17		
2	BK19	0	0	0	0	3	40	0+	1	
3	BK21	0	0	0	0	1	20	5		
	TOTAL	19	1.481	30	211	5	78	22		
	WEIGHT KG		1.481		211		78			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2025	TO: RP3 - P2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LHM - MTHAO - HTNAM	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRAN NAM TRUNG	RP3	85	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN TIEN	RP3	18	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG HAI HA	RP3	97	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH QUANG THANH	RP3	92-93	2	13			75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH BINH	RP3	36-37	2	14			72	KH-THAC	Vietnamese
6	VO THANH LAM	RP3	87	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐANG CONG THINH	RP3	95	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM QUOC CHE	RP3	89	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH TUNG	RP3	94	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG TRỌNG THỨC	RP3	88	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU MAU	RP3	90-91	2	10			64	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM HUYNH CUONG	RP3	42-43	2	20			76	CODIEN	Vietnamese
13	VU MANH DIEP	RP3	52	1	12			76	CODIEN	Vietnamese
14	TRAN DUONG	RP3	86	1	14			67	CODIEN	Vietnamese
15	NONG MINH HAI	RP3	38	1	14			72	CODIEN	Vietnamese
16	ĐO TIEN THANH	RP3	44-45	2	12	1	17	67	KHI	Vietnamese
17	MAI NGOC CUONG	RP3	98-99,500	3	17			72	KHI	Vietnamese
18	CAO VAN HIEN	RP3	41	1	5	2	31	58	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN DINH HUNG	RP3	39-40	2	9			79	KHI	Vietnamese
20	AHMAD ZAINUL ARIFFIN BIN SAIDI	RP3	16	1	10	2	23	60	KHI	Malaysian
21	LE TUAN VU	RP3	96	1	6			100	PSV	Vietnamese
22	TRAN TUAN ANH	RP3	20-22	3	10			74	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	22	1.562	32	215	5	71	21		
2	P2	0	0	0	0	0	0	1		
	TOTAL	22	1.562	32	215	5	71	22		
	WEIGHT KG		1.562		215		71			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2025	TO: VSP02 - MRM - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:58
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: LINH - N.CUONG - HUY	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TÔ VĂN HUNG	VSP02	70	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02						70	KH-THAC	Vietnamese
3	VÔ TÂN LINH	VSP02	74	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HỮU TRI	VSP02						80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	76	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
6	LŨ SƠN	VSP02	77	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
7	HUỲNH ANH BAO	VSP02	68	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯƠNG HOANG ĐẠT	VSP02	71	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẦN VIỆT QUANG	VSP02	81-82	2	15			69	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI NGUYỄN QUANG	VSP02	79-80	2	14			77	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN PHƯƠNG	VSP02	72-73	2	19			90	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	83	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	VSP02	78	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ THAI SƠN	VSP02	75	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
15	HÀ MẠNH THĂNG	VSP02	69	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ TRUNG DŨNG	VSP02	67	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG MINH SƠN	VSP02	66	1	12			72	ANTOAN	Vietnamese
18	LÀ QUÝ DANH	MRM	28	1	10			63	DVL	Vietnamese
19	TRẦN ĐẠI HÙNG	MRM	30-31	2	14			71	DVL	Vietnamese
20	VŨ NGỌC TIỀN	MRM	29	1	11			70	DVL	Vietnamese
21	ĐUƠNG MINH VIỆT	MRM	32,33	2	12			69	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP02	17	1.191	18	122	0	0	14		
2	MRM	4	273	6	47	0	0	0		
3	P8	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		21	1.464	24	169	0	0	21		
WEIGHT KG			1.464		169		0			

GRAND TOAL: 1.633 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2025	TO: P6 - P7 - TD5	AIRCRAFT: 618	ETD: 10:30
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Trung LINH	ETA: 12:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU NGOC TU	P6	60	1	11			75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC KHOI	P6	61-62	2	17			68	KH-THAC	Vietnamese
3	VU MINH ĐỨC	P6	56-57	2	19	2	14	93	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN NAM THANG	P6	54	1	10	1	14	106	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM TRUNG HIEU	P6	58-59	2	19			75	KH-THAC	Vietnamese
6	VU ĐOAN HUNG	P7	28	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN CHANH	P7	53	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUONG HONG HAI	P7	54	1	13			86	KH-THAC	Vietnamese
9	TA TRUNG DUNG	P7	55	1	10			96	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN CUONG	P7	56-57	2	10			76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DINH SUNG	TD5	28	1	6	9	145	73	SEAMAP	Vietnamese
12	VU HIEN GIANG	TD5	29	1	7			68	SEAMAP	Vietnamese
13	DOROSHENKO MAXIM	TD5	27	1	7			97	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P6	5	417	8	76	3	28	0		THAO 1 GHE DOI DE CHO HANG
2	P7	5	394	6	48	0	0	5		
3	TD5	3	238	3	20	9	145	12		
TOTAL		13	1.049	17	144	12	173	17		
WEIGHT KG			1.049		144		173			

GRAND TOAL: 1.366 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2025	TO: T.UNG - TD5	AIRCRAFT: 620	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: HHAI - MANH	ETA: 14:30
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐO THANH PHƯƠNG	T.UNG	89	1	7	7	130	64	XAYLAP	Vietnamese
2	LE VAN LONG	T.UNG	60,87	2	16			82	XAYLAP	Vietnamese
3	TRINH THE DU	T.UNG	86	1	8			86	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN HONG THAI	T.UNG	50,88	2	10			76	XAYLAP	Vietnamese
5	VU NGOC DIEP	T.UNG	97-98	2	11			76	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐANG HOANG HUNG	T.UNG	99	1	8			77	XAYLAP	Vietnamese
7	DHIVAHAR KUPPUSAMY	T.UNG	498	1	8	1	17	83	XAYLAP	Indian
8	MASTANVALI SHAIK	T.UNG	500	1	10	1	25	71	XAYLAP	Indian
9	RAJ KUMAR BHARATHI	T.UNG	94-95	2	15			71	XAYLAP	Indian
10	LE DINH TRI	T.UNG	90-91	2	11			71	XAYLAP	Vietnamese
11	VU QUANG	T.UNG	92-93	2	12			69	XAYLAP	Vietnamese
12	LE DUY ĐỨC	T.UNG	96-97	2	12			61	KH-THAC	Vietnamese
13	HA ĐỨC THÀNH	T.UNG	49	1	7			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	13	951	20	135	9	172	6		THAO 2 GHE DOI DE CHO HANG
2	TD5	0	0	0	0	1	11	6		
	TOTAL	13	951	20	135	10	183	12		
	WEIGHT KG		951		135		183			

GRAND TOAL: 1.269 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2025	TO: RP3 - RC8 - RC5	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:15
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: LHAÌ - MTHAO - HTNAM	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAM VAN QUAN	RP3	59	1	5			76	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN HONG KHANH	RP3	53	1	7			64	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG HA	RP3	55-56	2	8			66	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN VU HIEP	RP3	51	1	9	3	26	66	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN HUU MANH	RP3	52	1	5			70	KHI	Vietnamese
6	TRAN BAO TOAN	RP3	57-58	2	9			81	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	54	1	8			72	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN NGHIEM VU	RP3	60-61	2	16			76	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DUC	RP3	62	1	6			81	KHI	Vietnamese
10	HUYNH MINH SANG	RC8	51-52	2	15			81	KH-THAC	Vietnamese
11	VO THANH TU	RC8	53	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TAT TAM	RC8	54	1	6			53	PSV	Vietnamese
13	LE QUY TOAN	RC8	55-56	2	17			67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN MANH	RC5	41	1	13			70	DVL	Vietnamese
15	PHAN TUAN DUC	RC5	40	1	13			66	DVL	Vietnamese
16	LY NHAT TRUONG	RC5	44	1	13			77	DVL	Vietnamese
17	PHAM VAN TUONG	RC5	39	1	13	5	100	85	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN TUAN DUONG	RC5	42-43	2	15			83	DVL	Vietnamese
19	KIEU MINH QUYET	RC5	46	1	8			62	PSV	Vietnamese
20	LUONG TRONG DUONG	RC5	45	1	7			54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	9	652	12	73	3	26	1		
2	RC8	4	270	6	45	0	0	7+	6	CHUYEN 6-PAX RC8-RC5
3	RC5	7	497	8	82	5	100	12		
TOTAL		20	1.419	26	200	8	126	20		
WEIGHT KG			1.419		200		126			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2025	TO: RP1 - RCDM	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: DUONG - HTRUNG - TÚ	ETA: 14:00
XANH - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN NGOC CHAN	RP1	80	1	4	3	40	77	KH-THAC	Vietnamese
2	VO VAN DONG	RP1	79	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
3	DO VAN THANH	RP1	73	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH MINH TRI	RP1	60-61	2	10			49	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG VU NHAT VINH	RP1	78	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NANG	RP1	54	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN BAO TRUNG	RP1	47	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
8	TANG THANH DAN	RP1	77	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
9	VU THANG	RP1	74	1	13			93	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VIET HUNG	RP1	55	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DINH THAM	RP1	50	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
12	VU DINH ĐAI	RP1	51	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN LOI	RP1	56-57	2	23			62	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN TRONG HIEU	RP1	58-59	2	8			75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN ĐỨC HUY	RP1	62	1	7			87	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TUAN TU	RP1	48-49	2	13			88	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DUY NGOC	RP1	52-53	2	14			74	KH-THAC	Vietnamese
18	CAO KINH THAO	RP1	63-64	2	22			72	T-TIN	Vietnamese
19	PHAM VAN HUNG	RP1	75-76	2	10			68	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC THUAN	RCDM	02	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN ANH TUAN	RCDM	11	1	11			75	KH-THAC	Vietnamese
22	HO TRONG BANG	RCDM	01	1	6			74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	19	1.380	26	175	3	40	17		
2	RCDM	3	216	3	27	0	0	4		
	TOTAL	22	1.596	29	202	3	40	21		
	WEIGHT KG		1.596		202		40			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG-BAN ĐPTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/04/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng			
1		BK20+CTK3+MRM	7:25	0+2+15	0+0+0		0+5+17	0+0+0	CHUYEN 1 BK20-CTK3		

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/04/2025	TO: BK20 - CTK3 - MRM	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LINH - SON - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN MAI SON	CTK3	48	1	3			74	SANBAY	Vietnamese
2	PHAN LE MINH TOAN	CTK3	49	1	8	2	28	86	PSV	Vietnamese
3	ZASTAVNYI VASILII	MRM	44	1	15			79	AMNGR	Russian
4	KAZACHKOV DENIS	MRM	34	1	9			112	AMNGR	Russian
5	SUVOROV IURII	MRM	47-48	2	22			121	AMNGR	Russian
6	SALIMOV ILSHAT	MRM	45	1	35			81	AMNGR	Russian
7	PHAN NGOC HUNG	MRM	40-41	2	15	3	56	65	AMNGR	Vietnamese
8	NGUYEN VAN NGHE	MRM	49-50	2	18			71	AMNGR	Vietnamese
9	PHAM THANH HA	MRM	51-52	2	19			65	AMNGR	Vietnamese
10	SPHIN VASILII	MRM	38-39	2	23			91	AMNGR	Russian
11	TRON KIRILL	MRM	46	1	9			87	AMNGR	Russian
12	NGUYEN VAN PHUC	MRM	36	1	15	1	15	76	AMNGR	Vietnamese
13	ILMENTEV ANDREI	MRM	35	1	18			60	KHOAN	Russian
14	SUKHANOV EGOR	MRM	42-43	2	23			103	KHOAN	Russian
15	MUSIN AZAT	MRM	37	1	15			97	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK20	0	0	0	0	0	0	0	4	CHUYEN 01 PAX TÙ BK20 SANG CTK3
2	CTK3	2	160	2	11	2	28	5		
3	MRM	13	1.108	19	236	4	71	17		
TOTAL		15	1.268	21	247	6	99	22		
WEIGHT KG			1.268		247		99			

GRAND TOTAL: 1.614 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN